

Dầu Tiếng, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người
phải thi hành án trong khối tài sản chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Bá Sơn

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-VDS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2024/QĐST-VDS ngày 04 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Võ Thị Bích T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Vũ Anh T1, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi ở hiện tại: Số A, khu phố A, tổ A, đường T, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, bà A, ông T1 có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- **Theo đơn yêu cầu và quá trình tham gia tố tụng, người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:**

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng thụ lý, thi hành Bản án số 11/2021/KDTM-PT ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; Quyết định sửa chữa, bổ sung số 03/2020/QĐBSQĐ ngày 08/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng;

Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án phúc thẩm số 05/QĐ-SCBSBA ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 86/QĐST-KDTM ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định thi hành án số 394/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 11 năm 2021; Quyết định thi hành án số 1127/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Q đnh thi hành án số 122/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người phải thi hành án là Công ty TNHH MTV T2. Địa chỉ: Số D, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi ở hiện tại: Số A, khu phố A, tổ A, đường T, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản phải thi hành:

Thanh toán tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 4.345.476.307 đồng (*bốn tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng*) (gồm nợ gốc quá hạn 3.613.190.907 đồng; nợ lãi quá hạn 732.285.400 đồng) và tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các tín dụng đã ký giữa bà A, ông T1 với Ngân hàng thương mại cổ phần V cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Thanh toán tiền cho Công ty C1 số tiền: 312.389.991 đồng (*ba trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng*) và tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết thi hành án Chấp hành viên đã tổng đạt quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng Công ty TNHH MTV T3 có điều kiện để thi hành án. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dầu Tiếng đã kê biên, phát mãi tài sản sau: Quyết sử dụng đất đối với phần đất có diện tích là 1.957,3m² (*trong đó có 100m² đất ở tại nông thôn; 1.857,3m² đất trồng cây lâu năm, có 305,1m² thuộc HLATĐB*) và một số tài sản gắn liền trên đất cụ thể như sau: Chuồng để nuôi bò diện tích 40m²; nhà tạm diện tích 9,8m²; hàng rào gồm 30 trụ xi măng và lưới B40 dài 101,49m²; 01 cây me đường kính 45cmm; 01 cây dừa trồng năm 2014; 12 cây cao su trồng năm 2014; 01 căn nhà cấp 4 (*kèm hệ thống điện chiếu sáng*) diện tích 185m²; 01 cái giếng khoan; 01 chân bồn nước bằng sắt cao 05m; 01 cái bồn Inox 1.000 lít; 03 cái quạt trần; nhà tạm diện tích 24,7m²; hàng rào (*gồm 13 cột dãn gạch men*) dài 26,01m; 01 cây vú sữa đường kính 30cm; 44 cây cao su trồng năm 2014; 01 cổng sắt có 02 cánh. Toàn bộ tài sản trên thuộc thửa đất số 484, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/02/2024, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dầu Tiếng phối hợp với Công ty Đ Công Lập tổ chức đấu giá thành các tài sản nói trên. Giá bán đấu giá thành là 3.160.000.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất của ông Nguyễn Vũ Anh T1 và bà Trần Thị Thúy A là 367.391.140 đồng. Theo Bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thì số tiền giá trị tài sản trên đất là 367.391.140 đồng được hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thúy A

và ông Nguyễn Vũ Anh T1. Đây là tài sản chung vợ chồng ông Nguyễn Vũ Anh T1 và bà Trần Thị Thúy A.

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng phân chia tài sản chung vợ chồng để làm căn cứ để xử lý tài sản của người phải thi hành án nhằm đảm bảo việc thi hành án đối với tài sản là: Số tiền 367.391.140 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ Anh T1 (không ký), bà Trần Thị Thúy A trình bày:

Năm 2017, vợ chồng tôi có thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V quyền sử dụng đất với số tiền là 923.000.000 đồng, do Công ty TNHH MTV T2 làm ăn thua lỗ phải trả nợ cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất, phần còn lại là căn nhà có giá trị là 367.391.140 đồng, bà A đồng ý để lại cho ông Nguyễn Vũ Anh T1. Nay bà Võ Thị Bích T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng để thi hành án thì bà A, ông T1 cũng thừa nhận căn nhà là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự là Chấp hành viên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành và thực hiện đúng thủ tục quy định.

Về nội dung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A, ông T1 là vợ chồng. Năm 2017, vợ chồng bà A, ông T1 có thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V quyền sử dụng đất với số tiền là 923.000.000 đồng, do Công ty TNHH MTV T2 làm ăn thua lỗ phải trả nợ cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất, phần còn lại là căn nhà có giá trị là 367.391.140 đồng. Như vậy, tài sản trên đất được cấp trong thời kỳ hôn nhân nên bà A và ông T1 có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 210, 213 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1127/QĐ-CCTHADS ngày 09/3/2020, số 122/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2022, số 394/QĐ-CCTHADS ngày 17/11/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thể hiện tại Điều 2 của Quyết định phân công Chấp hành viên Phan Minh C, Nguyễn Ngọc H và bà Đỗ Thị H1 tổ chức thi hành án để thi hành. Tuy nhiên trong quá trình thi hành án thì Chấp hành viên Võ Thị Bích T là người trực tiếp tổ chức thi hành án đối với quyết định trên căn cứ theo Quyết định số 1918/QĐ-CCTHADS ngày 29/12/2023 về việc phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo và các nghiệp vụ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng năm 2023. Theo Quyết định này thì Chấp hành viên Võ Thị Bích T có trách nhiệm tổ chức thi hành án tại địa bàn xã Đ và các công tác khác do Chi cục trưởng phân công. Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1918/QĐ-CCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng có tài sản tại địa bàn xã Đ nên việc Chấp hành viên Võ Thị Bích T tiến hành thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1918/QĐ-CCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng và nộp đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng để thi hành án là phù hợp theo quy định tại Điều 23, Khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự.

[1.2] Tại phiên họp, người yêu cầu bà T có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A, ông T1. Việc triệu tập đương sự, Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tài sản theo đơn yêu cầu là tài sản bị kê biên để thi hành án, Chấp hành viên đang gửi tiết kiệm không kỳ hạn; Chấp hành viên chỉ yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng nên Tòa án chỉ xác định phần quyền sở hữu tài sản mà không phải phân chia nên Tòa án không tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản bị kê biên để thi hành án.

[1.4] Chấp hành viên yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng là số tiền 367.391.140 đồng là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH MTV T2. Địa chỉ: Số D, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi ở hiện tại: Số A, khu phố A, tổ A, đường T, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người phải thi hành án Bản án số 11/2021/KDTM-PT ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; Quyết định sửa chữa, bổ sung số 03/2020/QĐBSQĐ ngày 08/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng; Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án phúc thẩm số 05/QĐ-SCBSBA ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 86/QĐST-KDTM ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định thi hành án số 394/QĐ-

CCTHADS ngày 17 tháng 11 năm 2021; Quyết định thi hành án số 1127/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Q.định thi hành án số 122/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, theo đó Công ty TNHH MTV T4 nghĩa vụ phải thi hành án Thanh toán tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 4.345.476.307 đồng (*bốn tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng*) (*gồm nợ gốc quá hạn 3.613.190.907 đồng; nợ lãi quá hạn 732.285.400 đồng*) và tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các tín dụng đã ký giữa bà A, ông T1 với Ngân hàng thương mại cổ phần V cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Thanh toán tiền cho Công ty C1 số tiền: 312.389.991 đồng (*ba trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng*) và tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ. Theo biên bản xác minh về điều kiện thi hành án ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng thì Công ty TNHH MTV T3 có điều kiện để thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 55/QĐ-CCTHADS ngày 28/4/2022 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 484, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01238 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 cho bà Trần Thị Thúy A và tài sản gắn liền trên đất.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do Chấp hành viên cung cấp, Tòa án thu thập thì có căn cứ xác định: Bà A, ông T1 là vợ chồng. Năm 2017, vợ chồng bà A, ông T1 có thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V quyền sử dụng đất với số tiền là 923.000.000 đồng, do Công ty TNHH MTV T2 làm ăn thua lỗ phải trả nợ cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất, phần còn lại là căn nhà có giá trị là 367.391.140 đồng. Như vậy, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quyết định kê biên trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Trần Thị Thúy A và ông Nguyễn Vũ Anh T1 theo quy định tại Điều 29, 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia bằng giá trị. Tuy nhiên, Chấp hành viên chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất (giá trị số tiền 367.391.140 đồng) đang gửi bảo đảm không kỳ hạn của bà A, ông T1 mà không phải phân chia nên xác định bà Trần Thị Thúy A có 1/2 quyền sở hữu, tài sản (trong giá trị số tiền 367.391.140 đồng), ông Nguyễn Vũ Anh T1 có 1/2 quyền sở hữu, tài sản (trong giá trị số tiền 367.391.140 đồng) nêu trên.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 366; Điều 367, Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 29, 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 74, Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Võ Thị Bích T - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng để thi hành án trong khối tài sản chung.

Xác định số tiền 367.391.140 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm chín mươi một nghìn một trăm bốn mươi đồng) là tài sản chung của bà Trần Thị Thúy A và ông Nguyễn Vũ Anh T1. Trong đó quyền sở hữu bà Trần Thị Thúy A được xác định 1/2 của số tiền 367.391.140 đồng. Trong đó ông Nguyễn Vũ Anh T1 được xác định 1/2 của số tiền 367.391.140 đồng.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

3.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

3.3. Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có

quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Bá Sơn